DANH SÁCH GIÁO DỤC ĐỊNH HƯỚNG KHÓA K32-VH10/2024

(Kèm theo Công văn số 913/TTLĐNN-TCLĐ ngày 14/11/2024 của Trung tâm Lao động ngoài nước)

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
1	50332501	Trần Văn Hào	27/01/1999	Nam	Đà Nẵng	**K32VH10-01**
2	50332514	Nguyễn Văn Chiến	30/11/1996	Nam	Đà Nẵng	**K32VH10-02**
3	51111383	Đinh Thị Diễm	30/01/1995	Nữ	Đắk Lắk	**K32VH10-03**
4	51111435	Đào Thị Tuyết	10/07/1992	Nữ	Đắk Lắk	**K32VH10-04**
5	51111439	Chu Thị Tiến	16/04/1993	Nữ	Đắk Lắk	**K32VH10-05**
6	50334539	Tăng Văn Hòa	02/09/1988	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-06**
7	50334547	Nguyễn Nhật Hoàng Vũ	17/01/2002	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-07**
8	50334589	Phạm Trung Hiếu	08/11/1998	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-08**
9	50334590	Phạm Văn Học	18/11/2001	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-09**
10	50334604	Vi Văn Thiên	21/08/1999	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-10**
11	50334607	Trần Trường Sơn	10/05/1991	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-11**
12	50334702	Đỗ Văn Tường	26/07/2001	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-12**
13	50335923	Nguyễn Bá Tài	16/12/2005	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-13**
14	50335926	Ngô Tấn Thanh	14/04/1996	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-14**
15	50335929	Phạm Văn Nghĩa	21/05/1992	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-15**
16	50335932	Nguyễn Sỹ Trung	27/11/1992	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-16**
17	50335940	Lê Đình Sỹ	26/07/1998	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-17**
18	50335953	Hoàng Văn Tài	10/10/2001	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-18**
19	50335954	Nguyễn Văn Sơ	21/12/2002	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-19**
20	50335967	Bùi Nguyên Lâm	19/03/2003	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-20**
21	50335986	Lê Hữu Chiến	22/11/1999	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-21**
22	50335993	Lê Hữu Mạnh	07/11/1995	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-22**
23	50335996	Nguyễn Hồ Chiến	10/06/2001	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-23**
24	50336006	Nguyễn Viết Hải	05/06/1990	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-24**
25	50336007	Đặng Đình Đông	12/02/1994	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-25**
26	50336009	Dương Minh Thiện	20/07/1994	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-26**
27	50336018	Y Sơn Knul	20/08/2001	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-27**
28	50336021	Ngô Kiến Quốc	18/09/2004	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-28**
29	50336042	Lê Đức Niệm	06/03/1999	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-29**
30	50336088	Lê Văn Hải	06/10/1998	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-30**
31	50336091	Nguyễn Duy Trung Kiên	21/10/2001	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-31**
32	50336098	Trần Quốc Thịnh	11/08/1997	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-32**
33	50336100	Hoàng Văn Hùng	08/07/1991	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-33**
34	50336117	Nguyễn Xuân Thắng	02/06/1992	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-34**
35	50336119	Phạm Viết Đức	01/01/2003	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-35**
36	50336120	Phạm Văn Sơn	28/08/1998	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-36**
37	50336123	Cao Văn Tương	26/02/1991	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-37**
38	50336131	Nguyễn Quốc Tuấn	17/02/1998	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-38**
39	50336133	Hoàng Ngọc Sơn	06/06/2001	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-39**
40	50336142	Nguyễn Văn Minh	23/01/1995	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-40**
41	50336154	Cái Ngọc Trường	05/10/1989	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-41**
42	50336157	Trần Đại Hiệp	10/06/1998	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-42**
43	50336181	Hoàng Đăng Toàn	20/01/2000	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-43**
44	50336190	Nguyễn Văn Dũng	01/09/1994	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-44**
45	50336211	Phạm Văn Cương	14/01/1991	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-45**
46	50336232	Trần Hoàng Dũng	22/06/2000	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-46**
47	50336258	Trương Quốc Bình	18/01/1995	Nam	Đắk Lắk	**K32VH10-47**

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
48	51111480	Phạm Thị Thi	15/07/1997	Nữ	Đắk Nông	**K32VH10-48**
49	50336301	Lê Duy Hoàng	02/02/2000	Nam	Đắk Nông	**K32VH10-49**
50	50336306	Cao Huy Hoàng	14/07/2002	Nam	Đắk Nông	**K32VH10-50**
51	50336312	Lê Công Tuấn	30/08/2003	Nam	Đắk Nông	**K32VH10-51**
52	50336315	Nguyễn Văn Đức	24/10/2005	Nam	Đắk Nông	**K32VH10-52**
53	50336323	Nguyễn Văn Hải	03/07/1997	Nam	Đắk Nông	**K32VH10-53**
54	50336324	Trần Văn Hòa	12/07/2003	Nam	Đắk Nông	**K32VH10-54**
55	50336326	Chu Văn Cường	04/09/2001	Nam	Đắk Nông	**K32VH10-55**
56	50336357	Nguyễn Văn Quyến	25/08/2004	Nam	Đắk Nông	**K32VH10-56**
57	50336362	Hoàng Văn Tân	30/09/1999	Nam	Đắk Nông	**K32VH10-57**
58	50336363	Nguyễn Hồng Khánh Tuấn	17/10/1998	Nam	Đắk Nông	**K32VH10-58**
59	50336372	Hoàng Long Nhật	04/08/1998	Nam	Đắk Nông	**K32VH10-59**
60	50336373	Trần Văn Tình	05/08/2000	Nam	Đắk Nông	**K32VH10-60**
61	50336390	Nguyễn Hữu Toàn	20/08/1988	Nam	Đắk Nông	**K32VH10-61**
62	50336403	Nguyễn Văn Gia	22/12/2001	Nam	Đắk Nông	**K32VH10-62**
63	50336409	Nguyễn Hữu Thế	09/07/1999	Nam	Đắk Nông	**K32VH10-63**
64	50336423	Trần Hải Khương	10/08/1995	Nam	Đắk Nông	**K32VH10-64**
65	50336430	Trần Ngọc Thạch	19/11/1999	Nam	Đắk Nông	**K32VH10-65**
66	50336435	Nguyễn Xuân Hảo	30/06/2003	Nam	Đắk Nông	**K32VH10-66**
67	50336457	Lý Sơn	09/10/1994	Nam	Đắk Nông	**K32VH10-67**
68	50336463	Nguyễn Minh Dũng	20/02/1995	Nam	Đắk Nông	**K32VH10-68**
69	51111243	Nguyễn Thị Hằng Linh	27/09/2004	Nữ	Gia Lai	**K32VH10-69**
70	50335721	Võ Văn Hiếu	15/04/2001	Nam	Gia Lai	**K32VH10-70**
71	50335724	Lê Đức Hiếu	24/01/2005	Nam	Gia Lai	**K32VH10-71**
72	50335733	Trần Nhật Hoàng	16/05/2001	Nam	Gia Lai	**K32VH10-72**
73	50335745	Trần Văn Hùng	23/04/1995	Nam	Gia Lai	**K32VH10-73**
74	50335753	Trần Văn Lãm	18/05/1997	Nam	Gia Lai	**K32VH10-74**
75	50335761	Hoàng Đức Duy	18/10/2005	Nam	Gia Lai	**K32VH10-75**
76	50335762	Nguyễn Khắc Điệp	03/12/2002	Nam	Gia Lai	**K32VH10-76**
77	50335764	Nguyễn Đức Tiến	27/10/1999	Nam	Gia Lai	**K32VH10-77**
78	50335768	Phạm Văn Vũ	17/03/2001	Nam	Gia Lai	**K32VH10-78**
79	50335772	Cao Hoàng Phúc	03/10/2005	Nam	Gia Lai	**K32VH10-79**
80	50335795	Đào Xuân Huy	13/07/2005	Nam	Gia Lai	**K32VH10-80**
81	50335808	Lưu Quốc Hiển	08/12/2005	Nam	Gia Lai	**K32VH10-81**
82	50335825	Phạm Văn Nhật	23/04/2005	Nam	Gia Lai	**K32VH10-82**
83	50335850	Trần Đức Anh	03/10/1991	Nam	Gia Lai	**K32VH10-83**
84	50335872	Phan Tiến Dũng	19/08/2001	Nam	Gia Lai	**K32VH10-84**
85	50335873	Linh Văn Cao	11/11/2002	Nam	Gia Lai	**K32VH10-85**
86	90201780	Nguyễn Huy Lập	16/02/1984	Nam	Hà Tĩnh	**K32VH10-86**
87	51108794	Dương Thị Phương	23/06/1992	Nữ	Hà Tĩnh	**K32VH10-87**
88	51108845	Trần Thị Lam	16/09/1998	Nữ	Hà Tĩnh	**K32VH10-88**
89	51108904	Trần Diệu Hằng	16/06/2003	Nữ	Hà Tĩnh	**K32VH10-89**
90	51108911	Hồ Thị Dung	27/06/2000	Nữ	Hà Tĩnh	**K32VH10-90**
91	51108944	Lê Thị Diệu Hồng	23/08/1998	Nữ	Hà Tĩnh	**K32VH10-91**
92	51108974	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	30/09/2003	Nữ	Hà Tĩnh	**K32VH10-92**
93	51109066	Phan Thị Ninh	28/05/1999	Nữ	Hà Tĩnh	**K32VH10-93**
94	51109128	Hoàng Thị Thùy Linh	21/04/1993	Nữ	Hà Tĩnh	**K32VH10-94**
95	51130799	Cao Xuân Nam	10/05/1989	Nam	Hà Tĩnh	**K32VH10-95**
96	50518061	Phạm Kiều Thư	25/11/2001	Nữ	Hà Tĩnh	**K32VH10-96**

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
97	50534654	Trần Quang Minh	03/08/2002	Nam	Hà Tĩnh	**K32VH10-97**
98	51037361	Lê Tiến Đạt	08/04/2004	Nam	Hà Tĩnh	**K32VH10-98**
99	50354202	Phan Văn Phiệt	15/07/1996	Nam	Hà Tĩnh	**K32VH10-99**
100	50354395	Võ Văn Duy	07/01/2000	Nam	Hà Tĩnh	**K32VH10-100**
101	50354396	Chu Minh Đức	18/03/1998	Nam	Hà Tĩnh	**K32VH10-101**
102	50354402	Dương Quang Linh	15/05/1998	Nam	Hà Tĩnh	**K32VH10-102**
103	50354464	Trương Hữu Phước	08/09/2000	Nam	Hà Tĩnh	**K32VH10-103**
104	50354506	Chu Văn Bình	28/10/1991	Nam	Hà Tĩnh	**K32VH10-104**
105	50354532	Trần Xuân Huy	01/01/1997	Nam	Hà Tĩnh	**K32VH10-105**
106	50354596	Phạm Văn Bun	15/04/1994	Nam	Hà Tĩnh	**K32VH10-106**
107	50354724	Nguyễn Hồng Phong	13/09/2001	Nam	Hà Tĩnh	**K32VH10-107**
108	50354840	Trần Xuân Vinh	11/02/1996	Nam	Hà Tĩnh	**K32VH10-108**
109	50354897	Phan Văn Việt Anh	20/10/2002	Nam	Hà Tĩnh	**K32VH10-109**
110	50354993	Trần Văn Quang	14/10/1997	Nam	Hà Tĩnh	**K32VH10-110**
111	50355076	Nguyễn Hữu Lợi	25/03/2003	Nam	Hà Tĩnh	**K32VH10-111**
112	50355078	Trần Văn Đăng Khoa	18/06/2001	Nam	Hà Tĩnh	**K32VH10-112**
113	50355140	Hoàng Văn Khánh	15/02/1995	Nam	Hà Tĩnh	**K32VH10-113**
114	50355162	Ngô Anh Đức	01/05/2005	Nam	Hà Tĩnh	**K32VH10-114**
115	50355218	Đặng Thế Giang	27/08/1989	Nam	Hà Tĩnh	**K32VH10-115**
116	50355222	Nguyễn Xuân Trường	02/05/2002	Nam	Hà Tĩnh	**K32VH10-116**
117	50355267	Phạm Hữu Đạt	14/10/2002	Nam	Hà Tĩnh	**K32VH10-117**
118	51100615	Nguyễn Thị Hạnh	27/11/2003	Nữ	Hải Phòng	**K32VH10-118**
119	51100653	Phạm Ngọc Ánh	12/06/1999	Nữ	Hải Phòng	**K32VH10-119**
120	50301509	Đinh Văn Chiến	16/05/1989	Nam	Hải Phòng	**K32VH10-120**
121	50301637	Hoàng Ngọc Sơn	04/04/2001	Nam	Hải Phòng	**K32VH10-121**
122	50301676	Nguyễn Văn Chính	16/07/1991	Nam	Hải Phòng	**K32VH10-122**
123	50301755	Phạm Huy Hoàng	06/05/2002	Nam	Hải Phòng	**K32VH10-123**
124	50301794	Hoàng Mạnh Hà	18/04/1997	Nam	Hải Phòng	**K32VH10-124**
125	51101160	Hà Thị Thảo	08/08/1994	Nữ	Hưng Yên	**K32VH10-125**
126	50303210	Vũ Gia Nhanh	22/11/1994	Nam	Hưng Yên	**K32VH10-126**
127	50303312	Bùi Quang Cương	08/07/1994	Nam	Hưng Yên	**K32VH10-127**
128	50303321	Nguyễn Vũ Phước	30/01/2000	Nam	Hưng Yên	**K32VH10-128**
129	50303322	Phạm Đình Sơn	02/06/2002	Nam	Hưng Yên	**K32VH10-129**
130	50303367	Đào Công Huy	21/09/2002	Nam	Hưng Yên	**K32VH10-130**
131	50303387	Trần Văn Thiệu	24/12/1997	Nam	Hưng Yên	**K32VH10-131**
132	50303513	Biện Văn Thể	06/12/1997	Nam	Hưng Yên	**K32VH10-132**
133	50303519	Hoàng Trọng Tăng	19/09/2002	Nam	Hưng Yên	**K32VH10-133**
134	50335610	Hoàng Anh Quân	16/01/2000	Nam	Kon Tum	**K32VH10-134**
135	50335619	Vũ Tùng Dương	16/12/2000	Nam	Kon Tum	**K32VH10-135**
136	50335624	Đặng Vũ Nhật	25/02/2005	Nam	Kon Tum	**K32VH10-136**
137	50336504	Nguyễn Văn Hạnh	27/05/2002	Nam	Khánh Hòa	**K32VH10-137**
138	50336506	Phạm Quốc Đông	19/07/1995	Nam	Khánh Hòa	**K32VH10-138**
139	50336507	Phan Vĩnh Thuận	03/11/1998	Nam	Khánh Hòa	**K32VH10-139**
140	50336511	Nguyễn Hòa	16/09/1999	Nam	Khánh Hòa	**K32VH10-140**
141	50336535	Bùi Thanh Bình	16/09/2005	Nam	Khánh Hòa	**K32VH10-141**
142	50336541	Thái Văn Diệu	20/10/1994	Nam	Khánh Hòa	**K32VH10-142**
143	50336545	Phan Quốc Dũng	16/08/1992	Nam	Khánh Hòa	**K32VH10-143**
144	50336548	Hồ Văn Hiếu	11/12/2003	Nam	Khánh Hòa	**K32VH10-144**
145	51103654	Trần Thị Phương	05/09/1994	Nữ	Nam Định	**K32VH10-145**

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
146	51103680	Trần Thị Thu Hằng	11/08/2003	Nữ	Nam Định	**K32VH10-146**
147	50508071	Vũ Mai Chi	15/05/2004	Nữ	Nam Định	**K32VH10-147**
148	51033044	Trần Quyết Thắng	31/07/2000	Nam	Nam Định	**K32VH10-148**
149	51033106	Ngô Văn Quang	27/03/1998	Nam	Nam Định	**K32VH10-149**
150	50310016	Đào Ngọc Tuyên	03/11/2001	Nam	Nam Định	**K32VH10-150**
151	50310019	Vũ Văn Đức	20/10/2000	Nam	Nam Định	**K32VH10-151**
152	50310029	Trần Văn Quốc	30/05/1992	Nam	Nam Định	**K32VH10-152**
153	50310031	Đoàn Trung Nghĩa	19/08/1992	Nam	Nam Định	**K32VH10-153**
154	50310041	Vũ Văn Dân	19/09/2002	Nam	Nam Định	**K32VH10-154**
155	50310076	Lê Văn Dũng	09/02/2002	Nam	Nam Định	**K32VH10-155**
156	50310100	Phan Thành Đạt	19/02/1996	Nam	Nam Định	**K32VH10-156**
157	50310190	Nguyễn Quốc Nam	29/11/2004	Nam	Nam Định	**K32VH10-157**
158	50310277	Đoàn Văn Luyến	03/03/1993	Nam	Nam Định	**K32VH10-158**
159	50310336	Vũ Đức Thiêm	26/04/1989	Nam	Nam Định	**K32VH10-159**
160	50310386	Nguyễn Thanh Huynh	13/08/2005	Nam	Nam Định	**K32VH10-160**
161	50310392	Trần Quang Thành	05/05/2002	Nam	Nam Định	**K32VH10-161**
162	50310427	Vũ Văn Đạt	21/08/1996	Nam	Nam Định	**K32VH10-162**
163	50310438	Trịnh Văn Thủy	12/04/1997	Nam	Nam Định	**K32VH10-163**
164	50310452	Vũ Đình Hậu	17/07/2005	Nam	Nam Định	**K32VH10-164**
165	50310454	Bùi Đức Thắng	16/12/2005	Nam	Nam Định	**K32VH10-165**
166	50310474	Lê Văn Tú	20/06/2005	Nam	Nam Định	**K32VH10-166**
167	50310492	Phạm Tú Tài	13/08/1992	Nam	Nam Định	**K32VH10-167**
168	50310527	Vương Thế Vinh	05/03/1994	Nam	Nam Định	**K32VH10-168**
169	50310552	Phạm Hồng Thiện	06/05/1988	Nam	Nam Định	**K32VH10-169**
170	50310563	Mai Ngọc Duy	20/12/2004	Nam	Nam Định	**K32VH10-170**
171	50310566	Phạm Văn Hà	26/10/2000	Nam	Nam Định	**K32VH10-171**
172	50310631	Trần Minh Phương	11/08/2001	Nam	Nam Định	**K32VH10-172**
173	50310638	Trần Văn Sơn	18/01/2005	Nam	Nam Định	**K32VH10-173**
174	50310658	Lương Đăng Hùng	20/07/1994	Nam	Nam Định	**K32VH10-174**
175	50310685	Trương Quốc Đĩnh	21/08/2002	Nam	Nam Định	**K32VH10-175**
176	50310688	Trần Văn Tài Đức Thành	07/06/2005	Nam	Nam Định	**K32VH10-176**
177	50310689	Trần Văn Chiến	19/10/2005	Nam	Nam Định	**K32VH10-177**
178	50310730	Hoàng Mạnh Hùng	15/08/2005	Nam	Nam Định	**K32VH10-178**
179	50310736	Bùi Phương Minh	15/11/2005	Nam	Nam Định	**K32VH10-179**
180	50310751	Trần Ngọc Đạt	04/11/2004	Nam	Nam Định	**K32VH10-180**
181	50310763	Lương Văn Đệ	08/08/1993	Nam	Nam Định	**K32VH10-181**
182	50310777	Nguyễn Văn Phi	21/03/1998	Nam	Nam Định	**K32VH10-182**
183	50310789	Nguyễn Duyên Trường	20/12/1990	Nam	Nam Định	**K32VH10-183**
184	50310796	Trần Kế Hùng	28/04/1993	Nam	Nam Định	**K32VH10-184**
185	50310820	Vũ Văn Sướng	19/04/1994	Nam	Nam Định	**K32VH10-185**
186	50310877	Nguyễn Quang Tuyên	06/03/1994	Nam	Nam Định	**K32VH10-186**
187	50310878	Nguyễn Văn Ta	07/08/1990	Nam	Nam Định	**K32VH10-187**
188	50310945	Bùi Thanh Tịnh	07/05/1993	Nam	Nam Định	**K32VH10-188**
189	50310949	Trịnh Quang Năng	08/03/1989	Nam	Nam Định	**K32VH10-189**
190	50310952	Đặng Trung Hiếu	04/01/2002	Nam	Nam Định	**K32VH10-190**
191	50310958	Đoàn Văn Thiều	07/08/2003	Nam	Nam Định	**K32VH10-191**
192	50341018	Bùi Văn Ban	06/03/1994	Nam	Nam Định	**K32VH10-192**
193	50341024	Phạm Quốc Hưng	28/10/1999	Nam	Nam Định	**K32VH10-193**
194	50341101	Phạm Trường Huy	02/06/2001	Nam	Nam Định	**K32VH10-194**

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
195	51104162	Đỗ Thị Huyền Trang	06/04/2003	Nữ	Ninh Bình	**K32VH10-195**
196	51104183	Bùi Thị Thu Hường	09/08/2003	Nữ	Ninh Bình	**K32VH10-196**
197	51104186	Ngô Thị Trang	01/08/1994	Nữ	Ninh Bình	**K32VH10-197**
198	51104194	Bùi Thị Trà My	15/10/2003	Nữ	Ninh Bình	**K32VH10-198**
199	51104222	Phạm Thị Thùy Linh	08/08/2004	Nữ	Ninh Bình	**K32VH10-199**
200	51104256	Nguyễn Thị Phương Thanh	17/01/2001	Nữ	Ninh Bình	**K32VH10-200**
201	51104345	Trần Thị Hương	21/11/2001	Nữ	Ninh Bình	**K32VH10-201**
202	51104606	Đinh Thị Cẩm	19/08/2001	Nữ	Ninh Bình	**K32VH10-202**
203	50312063	Nguyễn Đức Duy	12/09/2000	Nam	Ninh Bình	**K32VH10-203**
204	50312085	Nguyễn Thành Phát	26/06/1998	Nam	Ninh Bình	**K32VH10-204**
205	50312127	Nguyễn Quốc Toản	02/05/1999	Nam	Ninh Bình	**K32VH10-205**
206	50312323	Vũ Thị Ngọc	28/02/2003	Nữ	Ninh Bình	**K32VH10-206**
207	50312809	Nguyễn Tấn Dũng	02/05/2003	Nam	Ninh Bình	**K32VH10-207**
208	50312955	Trần Đức Sự	01/01/1985	Nam	Ninh Bình	**K32VH10-208**
209	50350985	Trần Văn Vỹ	10/10/2000	Nam	Ninh Bình	**K32VH10-209**
210	51106988	Dương Thị Phương	30/03/1994	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-210**
211	51107015	Nguyễn Thị Cải	24/11/1994	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-211**
212	51107033	Phạm Thị Mai	16/02/1990	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-212**
213	51107101	Đậu Thị Oanh	29/01/2004	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-213**
214	51107235	Lương Quỳnh Anh	04/10/1989	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-214**
215	51107259	Nguyễn Minh Thi	10/06/2001	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-215**
216	51107263	Nguyễn Thị Mai Sương	07/01/2003	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-216**
217	51107368	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	30/09/2001	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-217**
218	51107373	Phạm Thị Quỳnh Huế	16/11/1991	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-218**
219	51107412	Phan Thị Duyên	13/12/1989	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-219**
220	51107482	Võ Thị Thanh Thủy	11/07/2004	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-220**
221	51107487	Võ Thị Giang	15/02/2002	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-221**
222	51107511	Vi Thị Sửu	25/03/1997	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-222**
223	51107578	Hồ Thị Thu	04/09/1995	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-223**
224	51107592	Ngô Thị Thu Hương	03/01/1998	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-224**
225	51107651	Thái Thị Khuyên	12/08/2000	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-225**
226	51107722	Đặng Thị Ngọc Ánh	23/07/2002	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-226**
227	51107865	Trần Thị Ngọc	16/12/2001	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-227**
228	51107868	Ngô Thị Sâm	08/11/2001	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-228**
229	51107869	Hoàng Thị Thanh Tâm	20/06/1990	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-229**
230	51107878	Phan Thị Long	16/06/2004	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-230**
231	51107883	Bùi Thị Trinh	04/05/2001	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-231**
232	51107923	Nguyễn Thị Hằng	10/09/2002	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-232**
233	51108170	Hoàng Thị Thương	12/10/2001	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-233**
234	51108179	Hồ Thị Trâm	13/03/2002	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-234**
235	51108229	Hà Nguyễn Thị Thanh Hiền	07/08/2002	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-235**
236	51108230	Đậu Thị Trang	14/05/1999	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-236**
237	50514733	Trần Thị Quỳnh	29/12/1993	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-237**
238	50514737	Võ Thị Thu Hiền	11/08/1994	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-238**
239	50514920	Nguyễn Thị Cảnh	13/10/2000	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-239**
240	50514995	Dương Thị Oanh	15/07/2002	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-240**
241	50515006	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	14/05/1998	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-241**
242	50515222	Nguyễn Thị Bích Liên	05/01/2003	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-242**
243	50515325	Thái Thị Anh	13/05/1996	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-243**

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
244	50515333	Nguyễn Thị Tuyền	24/08/1998	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-244**
245	50515463	Hoàng Thị Trang	10/11/2000	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-245**
246	50515470	Nguyễn Thị Điểm	25/10/2003	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-246**
247	50515520	Nguyễn Thị Ngân	20/11/2004	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-247**
248	50515925	Trịnh Thị Thủy	29/04/1998	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-248**
249	50516625	Ngô Thị Dung	21/10/2004	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-249**
250	50516634	Hồ Thị Hường	02/10/1993	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-250**
251	50516696	Nguyễn Thị Mai Ánh	08/09/1994	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-251**
252	50516818	Phạm Thị Oanh	02/03/2001	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-252**
253	51035937	Trần Trung Dũng	20/10/2000	Nam	Nghệ An	**K32VH10-253**
254	51035942	Bùi Xuân Tuấn	20/06/1987	Nam	Nghệ An	**K32VH10-254**
255	51035965	Nguyễn Đình Tuyển	04/06/1999	Nam	Nghệ An	**K32VH10-255**
256	51036031	Nguyễn Mạnh Hùng	30/07/1989	Nam	Nghệ An	**K32VH10-256**
257	51036060	Nguyễn Mậu Điệp	27/04/1993	Nam	Nghệ An	**K32VH10-257**
258	51036141	Hồ Xuân Đang	17/03/2000	Nam	Nghệ An	**K32VH10-258**
259	51036160	Bùi Đăng Hiệp	19/10/2001	Nam	Nghệ An	**K32VH10-259**
260	51036207	Hồ Sỹ Học	27/06/2004	Nam	Nghệ An	**K32VH10-260**
261	51036348	Hoàng Trần Minh	14/04/2000	Nam	Nghệ An	**K32VH10-261**
262	51036371	Nguyễn Sơn Mạnh	03/08/1995	Nam	Nghệ An	**K32VH10-262**
263	50353378	Nguyễn A Đam	23/09/2001	Nam	Nghệ An	**K32VH10-263**
264	50353630	Hồ Phúc Quánh	30/10/1998	Nam	Nghệ An	**K32VH10-264**
265	50353839	Hồ Văn Ba	01/02/2003	Nam	Nghệ An	**K32VH10-265**
266	50353843	Lê Văn Quang	11/07/2001	Nam	Nghệ An	**K32VH10-266**
267	50353851	Nguyễn Mạnh Hùng	04/01/1997	Nam	Nghệ An	**K32VH10-267**
268	50353886	Trương Văn Nhật	05/03/1990	Nam	Nghệ An	**K32VH10-268**
269	50353901	Nguyễn Tuấn Đạt	10/03/2004	Nam	Nghệ An	**K32VH10-269**
270	50353909	Nguyễn Công Hợp	13/09/2003	Nam	Nghệ An	**K32VH10-270**
271	50353910	Lê Thạc Luân	02/07/1994	Nam	Nghệ An	**K32VH10-271**
272	50353918	Trần Đình Thảo	05/07/1993	Nam	Nghệ An	**K32VH10-272**
273	50353950	Trịnh Văn Tú	05/12/1993	Nam	Nghệ An	**K32VH10-273**
274	50353955	Trần Văn Ban	05/11/1999	Nam	Nghệ An	**K32VH10-274**
275	50353967	Đậu Văn Hoàn	24/06/1996	Nam	Nghệ An	**K32VH10-275**
276	50354018	Hoàng Ngọc Minh	19/02/1994	Nam	Nghệ An	**K32VH10-276**
277	50354024	Nguyễn Văn Thắng	10/09/1997	Nam	Nghệ An	**K32VH10-277**
278	50354043	Nguyễn Xuân Hải	04/04/1995	Nam	Nghệ An	**K32VH10-278**
279	50354075	Phan Bá Lâm	15/01/1994	Nam	Nghệ An	**K32VH10-279**
280	50354085	Hồ Văn Triều	24/08/1995	Nam	Nghệ An	**K32VH10-280**
281	50354095	Lê Thạc Hoàng	09/10/1992	Nam	Nghệ An	**K32VH10-281**
282	50354096	Trần Đăng Huỳnh	11/09/1994	Nam	Nghệ An	**K32VH10-282**
283	50354133	Nguyễn Văn Sửu	25/08/1997	Nam	Nghệ An	**K32VH10-283**
284	50354150	Lưu Đình Thế	01/07/2002	Nam	Nghệ An	**K32VH10-284**
285	50354170	Lưu Đình Hùng	10/06/1995	Nam	Nghệ An	**K32VH10-285**
286	50354192	Lưu Đình Hoa	10/10/1992	Nam	Nghệ An	**K32VH10-286**
287	50373008	Hà Thị Bé Yến	06/05/1992	Nữ	Nghệ An	**K32VH10-287**
288	90202504	Phạm Thị Tuyên	06/02/1985	Nữ	Quảng Bình	**K32VH10-288**
289	51109803	Mai Thị Cẩm Ly	26/08/2003	Nữ	Quảng Bình	**K32VH10-289**
290	51109830	Mai Thị Thanh Thương	07/01/2004	Nữ	Quảng Bình	**K32VH10-290**
291	51109855	Mai Thị Thương	24/02/2001	Nữ	Quảng Bình	**K32VH10-291**
292	51109896	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	21/05/2001	Nữ	Quảng Bình	**K32VH10-292**

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
293	51109968	Ngô Thị Mỹ Tâm	24/01/2003	Nữ	Quảng Bình	**K32VH10-293**
294	50519584	Phạm Thị Lê	16/07/1994	Nữ	Quảng Bình	**K32VH10-294**
295	51037456	Tống Viết Châu	23/07/2002	Nam	Quảng Bình	**K32VH10-295**
296	51037459	Lê Minh Hà	07/08/2000	Nam	Quảng Bình	**K32VH10-296**
297	51037480	Mai Văn Vinh	21/03/1992	Nam	Quảng Bình	**K32VH10-297**
298	51037484	Nguyễn Mạnh Hào	08/06/1996	Nam	Quảng Bình	**K32VH10-298**
299	51037493	Nguyễn Tư Tuấn	01/09/1990	Nam	Quảng Bình	**K32VH10-299**
300	51037500	Trần Hữu Cường	08/10/1989	Nam	Quảng Bình	**K32VH10-300**
301	51037519	Lê Đình Huy	30/05/1996	Nam	Quảng Bình	**K32VH10-301**
302	50330270	Nguyễn Minh Hải	06/03/1987	Nam	Quảng Bình	**K32VH10-302**
303	50330685	Bùi Văn Thùy	23/09/1995	Nam	Quảng Bình	**K32VH10-303**
304	50356332	Nguyễn Thanh Tùng	18/02/1997	Nam	Quảng Bình	**K32VH10-304**
305	50356774	Nguyễn Chí Tiến	20/05/1995	Nam	Quảng Bình	**K32VH10-305**
306	50356862	Phạm Huy Hoàng	01/06/1999	Nam	Quảng Bình	**K32VH10-306**
307	50356928	Phạm Cao Cường	15/03/1991	Nam	Quảng Bình	**K32VH10-307**
308	50371978	Trần Minh Hậu	06/02/1996	Nam	Quảng Bình	**K32VH10-308**
309	50332605	Nguyễn Văn Trí	24/03/1998	Nam	Quảng Nam	**K32VH10-309**
310	50332615	Trương Nguyễn Hoàng Long	01/06/2002	Nam	Quảng Nam	**K32VH10-310**
311	50332616	Hồ Tấn Nhật Linh	19/08/2000	Nam	Quảng Nam	**K32VH10-311**
312	50332621	Ngô Trí Công	04/03/1994	Nam	Quảng Nam	**K32VH10-312**
313	50332623	Lương Quang Vũ	27/09/1985	Nam	Quảng Nam	**K32VH10-313**
314	50332636	Nguyễn Hữu Giang	29/10/2005	Nam	Quảng Nam	**K32VH10-314**
315	50332641	Nguyễn Thanh Hậu	20/10/1997	Nam	Quảng Nam	**K32VH10-315**
316	50332642	Trần Mạnh Lực	19/05/1992	Nam	Quảng Nam	**K32VH10-316**
317	50332650	Trần Vương Kha	27/07/1996	Nam	Quảng Nam	**K32VH10-317**
318	50332666	Võ Văn Thức	20/11/1992	Nam	Quảng Nam	**K32VH10-318**
319	50332673	Phan Ngọc Châu	25/04/1992	Nam	Quảng Nam	**K32VH10-319**
320	50332674	Võ Văn Cường	12/02/1999	Nam	Quảng Nam	**K32VH10-320**
321	50332686	Võ Văn Lĩnh	13/01/2003	Nam	Quảng Nam	**K32VH10-321**
322	50332723	Trần Mimh Hoàng Huy	20/08/1991	Nam	Quảng Nam	**K32VH10-322**
323	50332738	Đặng Thanh Quang	04/09/1991	Nam	Quảng Nam	**K32VH10-323**
324	50332743	Lê Tấn Lịch	08/04/1995	Nam	Quảng Nam	**K32VH10-324**
325	50332760	Uông Minh Thành	06/03/2001	Nam	Quảng Nam	**K32VH10-325**
326	50332761	Phan Cảnh Thạch	02/02/2001	Nam	Quảng Nam	**K32VH10-326**
327	50332799	Nguyễn Quốc Linh	23/02/1999	Nam	Quảng Nam	**K32VH10-327**
328	50332802	Đặng Duy Phát	08/01/2003	Nam	Quảng Nam	**K32VH10-328**
329	50358192	Trương Công Quốc	22/08/1993	Nam	Quảng Nam	**K32VH10-329**
330	50358217	Trần Công Nghĩa	10/04/1996	Nam	Quảng Nam	**K32VH10-330**
331	50358229	Trần Công Quốc Huy	10/11/2002	Nam	Quảng Nam	**K32VH10-331**
332	91226335	Bùi Văn Cường	10/11/1985	Nam	Quảng Ngãi	**K32VH10-332**
333	51110902	Võ Thị Mỹ Linh	16/08/2004	Nữ	Quảng Ngãi	**K32VH10-333**
334	51131715	Trần Quốc Phước	17/10/2004	Nam	Quảng Ngãi	**K32VH10-334**
335	50332908	Phạm Hải Nhất	30/10/2005	Nam	Quảng Ngãi	**K32VH10-335**
336	50332911	Nguyễn Văn Khải	01/07/2002	Nam	Quảng Ngãi	**K32VH10-336**
337	50332922	Đỗ Cao Đạt	23/05/2002	Nam	Quảng Ngãi	**K32VH10-337**
338	50332940	Nguyễn Duy Lâm	05/08/2004	Nam	Quảng Ngãi	**K32VH10-338**
339	50332944	Nguyễn Thế Pháp	23/07/2004	Nam	Quảng Ngãi	**K32VH10-339**
340	50332956	Võ Văn Chiêu	23/01/1996	Nam	Quảng Ngãi	**K32VH10-340**
341	50332957	Nguyễn Minh Vũ	02/08/2005	Nam	Quảng Ngãi	**K32VH10-341**

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
342	50332960	Nguyễn Thị Mai Ly	27/08/2002	Nữ	Quảng Ngãi	**K32VH10-342**
343	50332979	Cao Văn Hóa	18/10/2002	Nam	Quảng Ngãi	**K32VH10-343**
344	50332989	Ngô Đình Bền	24/11/2002	Nam	Quảng Ngãi	**K32VH10-344**
345	50332990	Lê Quốc Duy	03/10/1996	Nam	Quảng Ngãi	**K32VH10-345**
346	50333011	Lý Quốc Thịnh	01/04/2002	Nam	Quảng Ngãi	**K32VH10-346**
347	50333091	Bùi Hữu Danh	02/11/2001	Nam	Quảng Ngãi	**K32VH10-347**
348	50358333	Phạm Đình Nhớ	12/08/1994	Nam	Quảng Ngãi	**K32VH10-348**
349	50358343	Lý Phố Biển	23/03/1992	Nam	Quảng Ngãi	**K32VH10-349**
350	50358410	Nguyễn Đức Châu	11/01/1996	Nam	Quảng Ngãi	**K32VH10-350**
351	50358468	Võ Trọng	28/05/1995	Nam	Quảng Ngãi	**K32VH10-351**
352	50358470	Lê Duy Gun	22/07/2005	Nam	Quảng Ngãi	**K32VH10-352**
353	51110391	Bùi Thị Quỳnh Giao	01/01/2000	Nữ	Quảng Trị	**K32VH10-353**
354	51110421	Trương Thị Hiến	05/02/1994	Nữ	Quảng Trị	**K32VH10-354**
355	51110431	Mai Thị Lành	16/09/2001	Nữ	Quảng Trị	**K32VH10-355**
356	51110465	Tạ Thị Hải Loan	18/02/1991	Nữ	Quảng Trị	**K32VH10-356**
357	51110534	Trần Thị Xuân	10/01/1999	Nữ	Quảng Trị	**K32VH10-357**
358	51110545	Cao Thị Hiên	18/10/1990	Nữ	Quảng Trị	**K32VH10-358**
359	51131476	Nguyễn Viết Thao	19/12/1986	Nam	Quảng Trị	**K32VH10-359**
360	50520046	Võ Thị Vân Anh	10/02/2002	Nữ	Quảng Trị	**K32VH10-360**
361	50520083	Dương Thị Oanh	18/09/1993	Nữ	Quảng Trị	**K32VH10-361**
362	50520231	Trần Nữ Tùng Duyên	03/07/2004	Nữ	Quảng Trị	**K32VH10-362**
363	50520249	Thái Thị Mai Thủy	17/04/1992	Nữ	Quảng Trị	**K32VH10-363**
364	50520584	Nguyễn Thị Thảo	08/06/1998	Nữ	Quảng Trị	**K32VH10-364**
365	51037862	Mai Văn Thống	02/12/1999	Nam	Quảng Trị	**K32VH10-365**
366	50357383	Văn Tuần	12/04/1998	Nam	Quảng Trị	**K32VH10-366**
367	51110640	Lê Thị Thu Uyên	15/05/2002	Nữ	Thừa Thiên Huế	**K32VH10-367**
368	51110643	Ngô Thanh Thảo	08/08/1994	Nữ	Thừa Thiên Huế	**K32VH10-368**
369	50311087	Lương Nhất Thắng	08/02/2002	Nam	Thái Bình	**K32VH10-369**
370	50311121	Bùi Minh Hiếu	05/08/1990	Nam	Thái Bình	**K32VH10-370**
371	50311262	Lại Đức Nguyên	04/09/1994	Nam	Thái Bình	**K32VH10-371**
372	50311303	Nguyễn Xuân Duy	15/06/2002	Nam	Thái Bình	**K32VH10-372**
373	50311322	Bùi Công Long	20/09/1991	Nam	Thái Bình	**K32VH10-373**
374	50311608	Hà Hồng Quân	22/06/2002	Nam	Thái Bình	**K32VH10-374**
375	51104769	Lê Thị Thương	20/12/1993	Nữ	Thanh Hóa	**K32VH10-375**
376	51104917	Lê Thị Lý	22/06/2003	Nữ	Thanh Hóa	**K32VH10-376**
377	51105002	Lê Thị Quỳnh	06/04/1998	Nữ	Thanh Hóa	**K32VH10-377**
378	51105214	Nguyễn Thị Huệ	29/11/2002	Nữ	Thanh Hóa	**K32VH10-378**
379	51105435	Hoàng Thị Tính	25/09/1996	Nữ	Thanh Hóa	**K32VH10-379**
380	51105439	Nguyễn Thị Thúy	10/05/1996	Nữ	Thanh Hóa	**K32VH10-380**
381	51105680	Nguyễn Thanh Tuyền	24/08/2003	Nữ	Thanh Hóa	**K32VH10-381**
382	51105682	Nguyễn Thị Hà	12/10/2002	Nữ	Thanh Hóa	**K32VH10-382**
383	51105797	Tào Ngọc Khuê	16/09/2004	Nữ	Thanh Hóa	**K32VH10-383**
384	51105882	Nguyễn Thị Nhật	15/09/2003	Nữ	Thanh Hóa	**K32VH10-384**
385	51105910	Đào Thị Xuân Quỳnh	16/07/2004	Nữ	Thanh Hóa	**K32VH10-385**
386	51106288	Đỗ Thị Hồng	29/05/2003	Nữ	Thanh Hóa	**K32VH10-386**
387	51106447	Nguyễn Thị Xuân Mai	31/07/2004	Nữ	Thanh Hóa	**K32VH10-387**
388	51106578	Nguyễn Tuyết Nhi	12/11/2002	Nữ	Thanh Hóa	**K32VH10-388**
389	51106582	Phan Thị Ngọc Mai	04/04/2004	Nữ	Thanh Hóa	**K32VH10-389**
390	51106673	Bùi Thị Phương Ánh	05/02/2003	Nữ	Thanh Hóa	**K32VH10-390**

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
391	51109618	Ngô Thị Thu Trang	08/01/1989	Nữ	Thanh Hóa	**K32VH10-391**
392	51120700	Lương Văn Tuấn	03/02/2001	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-392**
393	51120753	Hà Văn Lam	05/08/2000	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-393**
394	51120798	Vi Thị Thứng	25/05/1999	Nữ	Thanh Hóa	**K32VH10-394**
395	51130303	Trình Công Anh	04/08/2003	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-395**
396	50511121	Nguyễn Thị Vân Hương	21/04/2000	Nữ	Thanh Hóa	**K32VH10-396**
397	50511345	Lê Thị Thuỳ Linh	09/08/1995	Nữ	Thanh Hóa	**K32VH10-397**
398	50512383	Đào Thị Kim Liên	28/02/1999	Nữ	Thanh Hóa	**K32VH10-398**
399	50513521	Hồ Thị Hằng	19/06/1994	Nữ	Thanh Hóa	**K32VH10-399**
400	50516216	Trần Văn Úy	20/11/1993	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-400**
401	50517877	Nguyễn Thị Ngọc	27/07/2001	Nữ	Thanh Hóa	**K32VH10-401**
402	50517906	Mai Thùy Linh	26/07/2003	Nữ	Thanh Hóa	**K32VH10-402**
403	50533120	Dương Văn Chính	28/11/1992	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-403**
404	50533367	Lê Văn Ba	15/05/1990	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-404**
405	50315088	Lê Huy Chung	05/11/1995	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-405**
406	50315390	Nguyễn Văn Duy	08/12/1998	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-406**
407	50318871	Nguyễn Hồng Sơn	25/07/1995	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-407**
408	50319160	Nguyễn Duy Út Hoàng	04/10/1988	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-408**
409	50321700	Hoàng Đình Long	21/11/1988	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-409**
410	50351913	Nguyễn Sỹ Tùng	28/12/1996	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-410**
411	50351938	Trần Văn Tuấn	12/10/2001	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-411**
412	50351943	Nguyễn Hữu Sinh	17/05/1991	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-412**
413	50352225	Hoàng Văn Thắng	04/11/2000	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-413**
414	50352269	Dương Văn Tuấn	04/06/1992	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-414**
415	50352327	Nguyễn Văn Nam	03/10/2003	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-415**
416	50352347	Nguyễn Văn Tâm	26/12/2001	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-416**
417	50352351	Phạm Văn Mai	23/11/1992	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-417**
418	50352356	Lê Nhữ Thân	01/09/1992	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-418**
419	50352375	Phạm Văn Khẩn	02/10/1993	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-419**
420	50352390	Nguyễn Văn Trung	25/04/1995	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-420**
421	50352391	Trịnh Tứ Khanh	17/07/1995	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-421**
422	50352594	Ngô Văn Hải	26/10/1991	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-422**
423	50352630	Hoàng Văn Bình	07/07/1990	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-423**
424	50352660	Nguyễn Văn Hùng	15/08/1990	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-424**
425	50352713	Nguyễn Xuân Quang	04/04/1989	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-425**
426	50352715	Mai Xuân Phương	15/03/2003	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-426**
427	50352769	Trương Đức Ninh	25/05/1994	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-427**
428	50352784	Trần Văn Tiến	14/05/2001	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-428**
429	50352792	Trương Văn Đại	02/03/1992	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-429**
430	50352846	Nguyễn Văn Thành	20/01/1991	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-430**
431	50352865	Hoàng Văn Hoài	06/07/1991	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-431**
432	50352868	Lê Đình Phương	08/07/2002	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-432**
433	50352890	Lâm Bá Định	05/05/1993	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-433**
434	50352894	Lê Duy Nam	16/09/1992	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-434**
435	50352933	Nguyễn Hữu Dũng	12/11/1990	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-435**
436	50352942	Trần Ngọc Thanh Long	09/10/1999	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-436**
437	50353011	Nguyễn Hữu Kiên	27/10/1999	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-437**
438	50353017	Lê Thanh Tiến	14/10/1988	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-438**
439	50353024	Nguyễn Tiên Chiến	15/05/1993	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-439**

Stt	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đơn vị	Mã số HV
440	50353076	Nguyễn Văn Quyền	25/04/2000	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-440**
441	50353082	Nguyễn Hữu Hoà	21/10/2002	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-441**
442	50353110	Mai Văn Toàn	15/03/1993	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-442**
443	50353146	Hồ Hữu Cường	20/04/2000	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-443**
444	50353161	Mai Ngọc Hoàng Sơn	19/05/1999	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-444**
445	50353175	Trần Văn An	04/09/2001	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-445**
446	50353192	Nguyễn Phương Nam	28/09/2002	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-446**
447	50373991	Vi Văn Thơm	16/02/1997	Nam	Thanh Hóa	**K32VH10-447**
448	50520828	Nguyễn Thị Kim Anh	10/01/2003	Nữ	Thừa Thiên Huế	**K32VH10-448**
449	50332224	Văn Thị Ngân	23/03/2001	Nữ	Thừa Thiên Huế	**K32VH10-449**
450	50332315	Nguyễn Gia Hưng	01/02/1999	Nam	Thừa Thiên Huế	**K32VH10-450**